TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 01 - 2025
Về việc: " Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Ông: Nguyễn Xuân Đại

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Lai

Bà Lê Thị Sử

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Trúc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 317/2024/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc: "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:02 /2025/QĐXX- ST ngày 13/01/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1961

Địa chỉ: xóm A, xã L, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Có mặt

Bị đơn: Ông Nguyễn Khắc T, sinh năm 1958

Địa chỉ: TDP12, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai ngày 12 tháng 12 năm 2024 của nguyên đơn Nguyễn Thị D trình bày: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Khắc T kết hôn vào năm 1982 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng chung sống hạnh phúc có 01 con chung tên Nguyễn Thị L, sau một thời gian phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tình tình vợ chồng không hòa hợp bất đồng quan điểm sống, nay hai người đã sống ly thân nhau từ năm 1982 đến nay, do cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị D yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Khắc T.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Khắc T có 01 con chung là Nguyễn Thị L, sinh ngày 25/02/1988,

hiện nay con chung đã đủ 18 tuổi, trưởng thành, lập gia đình riêng nên bà D không yêu cầu giải quyết nuôi con chung.

- Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Khắc T không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/12/2024 của bị đơn ông Nguyễn Khắc T trình bày: ông T và bà D có kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Ông T và bà D chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu thì mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 1987 cho đến nay, đời sống chung tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Nguyễn Thị D yêu cầu ly hôn ông T. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân mâu thuẫn kéo dài không hạnh phúc nên đồng ý ly hôn theo đơn yêu cầu của nguyên đơn để giải phóng cho nhau

Về con chung: Ông T và bà D có một người con chung Nguyễn Thị L, sinh ngày 25/02/1988, hiện tại con chung đã đủ 18 tuổi, trưởng thành, đã lập gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống ông T và bà D không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D yêu cầu giải quyết việc ly hôn với ông Ông Nguyễn Khắc T, địa chỉ: TDP12, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, các đương sự thoả thuận lựa chọn Toà án nơi nguyên đơn cư trú để giải quyết ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 điều 28 và khoản 1 điều 35, điểm b, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do vậy Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng dân sự.

[2].Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Khắc T kết hôn vào ngày 14/9/1982 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân giữa bà D và ông T trên cở sở tự nguyện không vi phạm các điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xét thấy Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Khắc T chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bà D và ông T tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên mâu thuẫn vợ chồng không có tiếng nói chung trong hôn nhân.

Hiện nay giữa bà D và ông T đã sống ly thân với nhau một thời gian dài từ năm 1987 cho đến nay, do Hôn nhân không hạnh phúc bà D yêu cầu được ly hôn với ông T

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông T thời gian đã kéo dài, nguyên nhân do giữa vợ chồng tình tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài. Xét thấy đời sống chung vợ chồng giữa bà D và ông T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Khắc T có 01 con chung là Nguyễn Thị L, sinh ngày 25/02/1988, hiện nay con chung đã đủ 18 tuổi, trưởng thành, lập gia đình riêng nên bà D và ông T không yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Nên không xét.

[4].Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Quá trình chung sống ông T và bà D không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5].Về án phí: Căn cứ vào điều 147, khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án cần buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình và khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử: bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Khắc T

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Khắc T có 01 con chung là Nguyễn Thị L, sinh ngày 25/02/1988, hiện đã đủ 18 tuổi, trưởng thành. Bà D và ông T không yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Nên không xét.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không có tài sản chung nên không xét.

4. Về nợ chung: không có nên không xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai số 0013664 ngày 12/12/2024

của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Bà Nguyễn Thị D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và Bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hợp lê.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- Các đương sự;
- UBND xã Lạc Sơn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

NGUYỄN XUÂN ĐẠI

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

NGUYỄN VĂN Đ **CAO TIẾN HÙNG** **NGUYỄN XUÂN Đ1**